

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Nguyễn Đăng T.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hạ Q, sinh năm 1994; thường trú: Số 390C, khu phố 1, phường T, T phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994; thường trú: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 09 năm 2019; bản tự khai ngày 28 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Hạ Q trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Hạ Q và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2013, quyển số 01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, mấy năm trở lại đây thì vợ chồng bà Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm lối sống, các bên không

tìm được sự đồng cảm trong việc giải quyết các vấn đề gia đình, công việc và cuộc sống. Vợ chồng đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, cố gắng hàn gắn nhưng không được. Vợ chồng bà Q đã ly thân gần ba năm nay và hiện tại ông T đang bị tạm giam tại công an thị xã T, Bình Dương. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

+ *Về con chung*: Bà Q và ông T có 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/06/2012. Khi ly hôn bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/06/2012 và không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu, không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 28/10/2019 của ông Nguyễn Thanh T và Biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2019 của Tòa án án nhân dân thị xã T, ông T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T đồng ý với bà Q về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông T không đồng ý ly hôn với bà Q vì hiện nay ông T vẫn còn tình cảm với bà Q. Ông T muốn sau khi chấp hành án xong sẽ cùng với bà Q nuôi dạy con chung.

+ *Về con chung*: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Q về việc vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/06/2012. Trong thời gian chấp hành án thì ông T đồng ý cho bà Q nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con ông T và bà Q sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hạ Q, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Hạ Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/06/2012 cho bà Trần Hạ Q trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Hạ Q và ông Nguyễn Thanh T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2013, quyền 01/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, các bên không tìm được sự đồng cảm trong việc giải quyết các vấn đề gia đình, công việc và cuộc sống. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận từ năm 2016 đến nay bà Q đã bỏ nhà đi mà không rõ lý do nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/06/2012. Khi ly hôn, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khang. Xét thấy, hiện nay con chung đang ở với bà Q và cháu Khang có nguyện vọng được ở với mẹ yêu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/06/2012 cho bà Trần Hạ Q trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hạ Q về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

2. Bà Trần Hạ Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/06/2012 cho bà Trần Hạ Q trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Hạ Q và ông Nguyễn Thanh T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa T niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Hạ Q phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037274 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền

- Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
 - TAND tỉnh Bình Dương (01);
 - VKSND thị xã T (01);
 - THADS thị xã T (01);
 - UBND phường T,
Thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
 - Các đương sự (02);
 - Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền